



FDVN LAW FIRM

70 TỔNG HỢP THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

CÔNG TY LUẬT FDVN ----- *Feel free to go with the truth*

99 Nguyen Huu Tho, Hai Chau, Da Nang

www.fdv.vn | www.fdvonlawfirm.vn | www.diendanngheluat.vn



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|------------|---|--|--|
| 01 | Doanh nghiệp phải báo cáo Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính. | Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có thay đổi thông tin về họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp. | Không quy định. |
| | | <i>Điều 12 LDN 2014</i> | |
| 02 | Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. |
| | | <i>Khoản 2 Điều 27 LDN 2014</i> | <i>Khoản 5 Điều 26 LDN 2020</i> |
| 03 | Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi. | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi. |
| | | <i>Khoản 2 Điều 31 LDN 2014</i> | <i>Khoản 2 Điều 30 LDN 2020</i> |
| 04 | Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. |
| | | <i>Khoản 3 Điều 31 LDN 2014</i> | <i>Khoản 3 Điều 30 LDN 2020</i> |



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|--|--|
| 05 | Người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gửi đề nghị đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền. | Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày bản án hoặc quyết định có hiệu lực thi hành. | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực. |
| | | <i>Điểm a Khoản 4 Điều 31 LDN 2014</i> | <i>Điểm a Khoản 4 Điều 30 LDN 2020</i> |
| 06 | Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới theo nội dung bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực thi hành. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị đăng ký. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị đăng ký. |
| | | <i>Điểm b Khoản 4 Điều 31 LDN 2014</i> | <i>Điểm b Khoản 4 Điều 30 LDN 2020</i> |
| 07 | Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi. | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi. |
| | | <i>Khoản 2 Điều 32 LDN 2014</i> | <i>Khoản 2 Điều 31 LDN 2020</i> |



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|--|--|
| 08 | Công ty phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty. |
| | | <i>Khoản 3 Điều 32 LDN 2014</i> | <i>Khoản 3 Điều 31 LDN 2020</i> |
| 09 | Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. |
| | | <i>Khoản 4 Điều 32 LDN 2014</i> | <i>Khoản 4 Điều 31 LDN 2020</i> |
| 10 | Người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gửi Thông báo đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền. | Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bản án hoặc quyết định có hiệu lực thi hành. | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực. |
| | | <i>Điểm a Khoản 5 Điều 32 LDN 2014</i> | <i>Điểm a Khoản 5 điều 31 LDN 2020</i> |



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|------------|---|---|---|
| 11 | Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo nội dung bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực thi hành. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. |
| | | <i>Điểm b Khoản 5 Điều 32 LDN 2014</i> | <i>Điểm b Khoản 5 Điều 31 LDN 2020</i> |
| 12 | Thời hạn thông báo công khai các thông tin về doanh nghiệp. | 30 ngày, kể từ ngày được công khai. | 30 ngày kể từ ngày được công khai. |
| | | <i>Khoản 3 Điều 33 LDN 2014</i> | <i>Khoản 3 Điều 32 LDN 2020</i> |
| 13 | Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. | Không quy định. |
| | | <i>Khoản 1 Điều 34 LDN 2014</i> | |
| 14 | Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. |
| | | <i>Khoản 3 Điều 46 LDN 2014</i> | <i>Khoản 3 Điều 45 LDN 2020</i> |



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|--|--|
| 15 | Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện phải gửi thông tin cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và gửi thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê. | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. | Không quy định. |
| | | <i>Khoản 4 Điều 46 LDN 2014</i> | |
| 16 | Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi. | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp thông báo địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh. |
| | | <i>Khoản 5 Điều 46 LDN 2014</i> | <i>Khoản 5 Điều 45 LDN 2020</i> |
| 17 | Thành viên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp. | Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. |
| | | <i>Khoản 2 Điều 48 LDN 2014</i> | <i>Khoản 2 Điều 47 LDN 2020</i> |



| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|--|---|
| 18 | Trường hợp có thành viên chưa góp hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết, công ty phải đăng ký điều chỉnh, vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp. | Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp vốn đủ phần vốn góp. | Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ phần vốn góp. |
| | | <i>Khoản 4 Điều 48 LDN 2014</i> | <i>Khoản 4 Điều 47 LDN 2020</i> |
| 19 | Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng thành viên. | Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên. | Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên. |
| | | <i>Điểm d Khoản 8 Điều 50 LDN 2014</i> | <i>Điểm d Khoản 2 Điều 49 LDN 2020</i> |
| 20 | Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến công ty. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua nghị quyết. | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định. |
| | | <i>Khoản 1 Điều 52 LDN 2014</i> | <i>Khoản 2 Điều 51 LDN 2020</i> |
| 21 | Công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó theo giá thị trường hoặc giá được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty, trừ trường hợp hai bên thỏa thuận được về giá. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên. |
| | | <i>Khoản 2 Điều 52 LDN 2014</i> | <i>Khoản 3 Điều 51 LDN 2020</i> |



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|---|---|
| 22 | Chuyển nhượng với cùng điều kiện chào bán đối với các thành viên còn lại cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc không mua hết. | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày chào bán. <i>Điểm b Khoản 1 Điều 53 LDN 2014</i> | Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chào bán. <i>Điểm b Khoản 1 Điều 52 LDN 2020</i> |
| 23 | Chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên trong công ty, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng. <i>Khoản 3 Điều 53 LDN 2014</i> | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng. <i>Khoản 3 Điều 52 LDN 2020</i> |
| 24 | Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên. <i>Khoản 3 Điều 58 LDN 2014</i> | Không quy định. |



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|------------|---|--|---|
| 25 | Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. |
| | | <i>Khoản 5 Điều 58 LDN 2014</i> | <i>Khoản 7 Điều 57 LDN 2020</i> |
| 26 | Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. |
| | | <i>Khoản 5 Điều 58 LDN 2014</i> | <i>Khoản 7 Điều 57 LDN 2020</i> |
| 27 | Triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng thành viên triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu ít nhất 50% vốn điều lệ. | Trong thời hạn 15 ngày. | Trong thời hạn 15 ngày. |
| | | <i>Điểm a Khoản 2 Điều 59 LDN 2014</i> | <i>Điểm a Khoản 2 Điều 58 LDN 2020</i> |
| 28 | Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì được triệu tập họp lần thứ ba, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. | Trong thời hạn 10 ngày. | Trong thời hạn 10 ngày. |
| | | <i>Điểm b Khoản 2 Điều 59 LDN 2014</i> | <i>Điểm b Khoản 2 Điều 58 LDN 2020</i> |



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|------------|--|---|--|
| 29 | Trường hợp cuộc họp đủ điều kiện quy định không hoàn thành chương trình họp trong thời hạn dự kiến, thì có thể kéo dài phiên họp. | Thời hạn kéo dài không được quá 30 ngày, kể từ ngày khai mạc cuộc họp đó. | Không được quá 30 ngày kể từ ngày khai mạc cuộc họp đó. |
| | | <i>Khoản 4 Điều 59 LDN 2014</i> | <i>Khoản 4 Điều 58 LDN 2020</i> |
| 30 | Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, quyết định được thông qua đến các thành viên. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về công ty. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về công ty. |
| | | <i>Khoản 4 Điều 62 LDN 2014</i> | <i>Khoản 4 Điều 61 LDN 2020</i> |
| 31 | Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác thì Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. |
| | | <i>Khoản 2 Điều 67 LDN 2014</i> | <i>Khoản 2 Điều 67 LDN 2020</i> |
| 32 | Kể từ ngày hoàn thành việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ, công ty phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh. | Trong thời hạn 10 ngày. | Trong thời hạn 10 ngày. |
| | | <i>Khoản 4 Điều 68 LDN 2014</i> | <i>Khoản 4 Điều 68 LDN 2020</i> |

**FDVN LAW FIRM**

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|---|---|
| 33 | Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin về việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. |
| | | Khoản 4 Điều 68 LDN 2014 | Khoản 6 Điều 68 LDN 2020 |
| 34 | Chủ sở hữu phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp. | Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. |
| | | Khoản 2 Điều 74 LDN 2014 | Khoản 2 Điều 75 LDN 2020 |
| 35 | Chủ sở hữu công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị số vốn thực góp. | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ. | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ. |
| | | Khoản 3 Điều 74 LDN 2014 | Khoản 3 Điều 75 LDN 2020 |
| 36 | Chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty kết nạp thêm thành viên mới, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới. |
| | | Khoản 1 Điều 77 LDN 2014 | Khoản 1 Điều 78 LDN 2020 |

**FDVN LAW FIRM**

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|--|--|
| 37 | Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc việc giải quyết thừa kế. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc việc giải quyết thừa kế. |
| | | <i>Khoản 3 Điều 77 LDN 2014</i> | <i>Khoản 3 Điều 78 LDN 2020</i> |
| 38 | Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng. |
| | | <i>Khoản 5 Điều 77 LDN 2014</i> | <i>Khoản 6 Điều 78 LDN 2020</i> |
| 39 | Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có liên quan đến các bên không có quyền biểu quyết. |
| | | <i>Khoản 2 Điều 86 LDN 2014</i> | <i>Khoản 3 Điều 86 LDN 2020</i> |
| 40 | Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên và công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ. |
| | | <i>Điểm a Khoản 3 Điều 87 LDN 2014</i> | <i>Điểm a Khoản 2 Điều 87 LDN 2020</i> |



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|--|--|---|
| 41 | Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế. | Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức thành viên Hội đồng thành viên. | Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm hoặc cách chức Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên. |
| | | Khoản 3 Điều 93 LDN 2014 | Khoản 3 Điều 94 LDN 2020 |
| 42 | Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. | Trong thời hạn không quá 150 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Trong thời hạn không quá 150 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. |
| | | Điểm c Khoản 1 Điều 108 LDN 2014 | Điểm c Khoản 1 Điều 109 LDN 2020 |
| 43 | Các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua. | Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. |
| | | Khoản 1 Điều 112 LDN 2014 | Khoản 1 Điều 113 LDN 2020 |
| 44 | Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ và thay đổi cổ đông sáng lập. | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua. | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua. |
| | | Điểm d Khoản 3 Điều 112 LDN 2014 | Điểm d Khoản 3 Điều 113 LDN 2020 |
| 45 | Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần. |
| | | Khoản 4 Điều 122 LDN 2014 | Khoản 4 Điều 123 LDN 2020 |



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|--|--|
| 46 | Công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014 và quy định khác của pháp luật có liên quan. | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần. | Không quy định. |
| | | <i>Khoản 5 Điều 127 LDN 2014</i> | |
| 47 | Cổ đông biểu quyết phân đôi nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết. |
| | | <i>Khoản 1 Điều 129 LDN 2014</i> | <i>Khoản 1 Điều 132 LDN 2020</i> |
| 48 | Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông. | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. |
| | | <i>Khoản 3 Điều 130 LDN 2014</i> | <i>Điểm a Khoản 3 Điều 133 LDN 2020</i> |
| 49 | Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần. |
| | | <i>Khoản 2 Điều 131 LDN 2014</i> | <i>Khoản 2 Điều 134 LDN 2020</i> |



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|---|---|
| 50 | Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại. |
| | | <i>Khoản 4 Điều 131 LDN 2014</i> | <i>Khoản 4 Điều 134 LDN 2020</i> |
| 51 | Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức. |
| | | <i>Khoản 6 Điều 132 LDN 2014</i> | <i>Khoản 6 Điều 135 LDN 2020</i> |
| 52 | Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. |
| | | <i>Khoản 5 Điều 144 LDN 2014</i> | <i>Khoản 5 Điều 148 LDN 2020</i> |
| 53 | Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. |
| | | <i>Khoản 6 Điều 145 LDN 2014</i> | <i>Khoản 6 Điều 149 LDN 2020</i> |
| 54 | Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. |
| | | <i>Khoản 3 Điều 146 LDN 2014</i> | <i>Khoản 5 Điều 150 LDN 2020</i> |



| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|---|--|
| 55 | Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. |
| | | <i>Khoản 1 Điều 153 LDN 2014</i> | <i>Khoản 1 Điều 157 LDN 2014</i> |
| 56 | Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm sát hoặc thành viên độc lập; đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị và các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị và các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. |
| | | <i>Khoản 5 Điều 153 LDN 2014</i> | <i>Khoản 5 Điều 157 LDN 2014</i> |
| 57 | Việc kê khai thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty phải được thực hiện. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. |
| | | <i>Khoản 3 Điều 159 LDN 2014</i> | <i>Khoản 3 Điều 164 LDN 2020</i> |

**FDVN LAW FIRM**

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|---|---|
| 58 | Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. |
| | | <i>Khoản 2 Điều 162 LDN 2014</i> | <i>Khoản 2 Điều 167 LDN 2020</i> |
| 59 | Thành viên hợp danh hoặc thành viên góp vốn phải nộp đủ số vốn cam kết góp vào công ty. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được chấp thuận. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được chấp thuận. |
| | | <i>Khoản 2 Điều 181 LDN 2014</i> | <i>Khoản 2 Điều 186 LDN 2020</i> |
| 60 | Chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền cho thuê toàn bộ doanh nghiệp của mình nhưng phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng cho thuê có hiệu lực thi hành. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng cho thuê có hiệu lực thi hành. |
| | | <i>Điều 186 LDN 2014</i> | <i>Điều 191 LDN 2020</i> |
| 61 | Nghị quyết chia công ty phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua nghị quyết. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua nghị quyết. |
| | | <i>Điểm a Khoản 2 Điều 192 LDN 2014</i> | <i>Điểm a Khoản 2 Điều 198 LDN 2020</i> |
| 62 | Nghị quyết tách công ty phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua nghị quyết. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua nghị quyết. |
| | | <i>Điểm a Khoản 4 Điều 193 LDN 2014</i> | <i>Điểm a Khoản 3 Điều 199 LDN 2020</i> |

**FDVN LAW FIRM**

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|---|--|--|
| 63 | Hợp đồng hợp nhất phải được gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết. | <i>Điểm b Khoản 2 Điều 194 LDN 2014</i> | <i>Điểm b Khoản 2 Điều 200 LDN 2020</i> |
| 64 | Hợp đồng sáp nhập phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết. | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua. <i>Điểm b Khoản 2 Điều 195 LDN 2014</i> | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua. <i>Điểm b Khoản 2 Điều 201 LDN 2020</i> |
| 65 | Kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có liên quan về việc chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc. <i>Khoản 5 Điều 196 LDN 2014</i> | Không quy định. |
| 66 | Kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có liên quan về việc chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc. <i>Khoản 5 Điều 197 LDN 2014</i> | Không quy định. |



FDVN LAW FIRM

TỔNG HỢP 70 THỜI HẠN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 – LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 | THỜI HẠN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 |
|-----|--|---|---|
| 67 | Kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có liên quan về việc chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc. | Không quy định. |
| | | Khoản 4 Điều 198 LDN 2014 | |
| 68 | Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. |
| | | Khoản 2 Điều 199 LDN 2014 | Khoản 2 Điều 205 LDN 2020 |
| 69 | Kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc. | Trong thời hạn 07 ngày làm việc. |
| | | Khoản 3 Điều 202 LDN 2014 | Khoản 3 Điều 208 LDN 2020 |
| 70 | Kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, doanh nghiệp phải triệu tập họp để quyết định giải thể. | Trong thời hạn 10 ngày. | Trong thời hạn 10 ngày. |
| | | Khoản 2 Điều 203 LDN 2014 | Khoản 2 Điều 209 LDN 2020 |